

Thứ sáu, ngày 23 tháng 9 năm 2022

Vietnam Daily Review

SBV tăng LSDH, VN-Index điều chỉnh nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 26/9/2022		•	
Tuần 26/9-30/9/2022		•	
Tháng 9/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trái ngược với phiên tăng điểm hôm qua, thị trường điều chỉnh và đang có dấu hiệu kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ 1200 điểm. Thanh khoản thị trường duy trì tại ngưỡng trung bình, cho thấy tâm lý tiêu cực đang chủ đạo hoạt động giao dịch. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 3/19 ngành tăng điểm, trong đó trụ đỡ chính là ngành Bảo hiểm, Điện nước & xăng dầu khí đốt và Viễn thông. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Hoạt động giao dịch dự kiến sẽ âm đạm vào tuần sau khi thị thông tin tăng lãi suất điều hành 1% đang tạo hiệu ứng tiêu cực trên thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐ đều giảm theo VN30, trừ VN30F2212 vận động trái chiều. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 23/9/2022, các chứng quyền giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-11.42** điểm, đóng cửa **1203.28** điểm. HNX-Index **-1.2** điểm, đóng cửa **264.44** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.73)**, **BVH (+0.6)**, **OCB (+0.09)**, **MIG (+0.06)**, **HBC (+0.06)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-2.51)**, **VIC (-0.68)**, **VPB (-0.63)**, **VHM (-0.55)**, **BID (-0.51)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,186** tỷ đồng, tăng **2.49%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **11,293** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **15.14** điểm. Thị trường có **162** mã tăng, **77** mã tham chiếu, **287** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-330.98** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VND (-60.6 tỷ)**, **MSN (-57.06 tỷ)**, **KDH (-39.08 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **4.18** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1214.70**Giá trị: 10186.45 tỷ **4.15 (0.34%)**

Khối ngoại (ròng): -482.63 tỷ

HNX-INDEX **264.44**Giá trị: 1089.01 tỷ **-1.2 (-0.45%)**

Khối ngoại (ròng): -7.61 tỷ

UPCOM-INDEX **88.59**Giá trị: 572.09 tỷ **0.04 (0.05%)**

Khối ngoại (ròng): -56.31 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	83.9	1.18%
Giá vàng	1,670	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	23,712	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,827	-0.87%
Tỷ giá JPY/VND	16,491	0.00%
LS liên NH 1 tháng	5.2%	0.23%
LS TPCP 5 năm	3.7%	-0.15%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	45.22	NLG	-107.96
FRT	19.26	BCM	-94.87
VIC	12.76	KDH	-78.74
HCM	9.19	VHM	-36.10
GMD	9.03	VCB	-32.82

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Đánh giá Nghị định 65/NĐ-CP	Trang 2
Đánh giá Nghị định 65/NĐ-CP	Trang 3
Hiệu suất PTKT	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Ảnh hưởng Nghị định 65/2022/NĐ-CP với thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

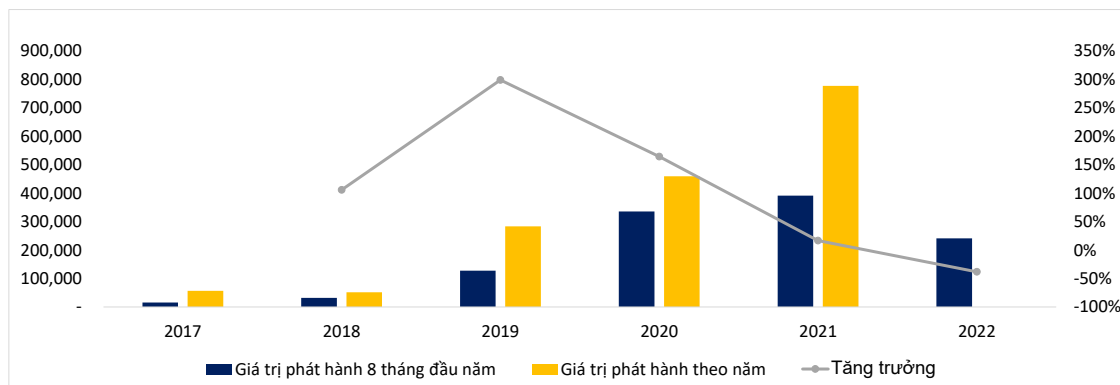
Ngày 16/9/2022 vừa rồi, Nghị định 65/2022/NĐ-CP (Nghị định 65) sửa đổi bổ sung Nghị định 153/2020/NĐ-CP về chào bán trái phiếu riêng lẻ đã chính thức được ban hành với nhiều quy định được thêm mới và sửa đổi. Một số những thay đổi chính trong Nghị định 65 bao gồm:

- Thay đổi về điều kiện mục đích phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN). Các doanh nghiệp không được phát hành trái phiếu để tăng quy mô vốn hoạt động mà phải có mục đích đầu tư cho các dự án cụ thể.
- Nâng cao điều kiện trở thành nhà đầu tư (NĐT) chứng khoán chuyên nghiệp. Theo luật Chứng khoán thì NĐT chứng khoán chuyên nghiệp cần có danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch có giá trị tối thiểu là 2 tỷ đồng và có thu nhập chịu thuế năm gần nhất tối thiểu là 1 tỷ đồng. Nghị định 65 bổ sung: Giá trị danh mục phải đạt giá trị tối thiểu 180 ngày liền kề trước ngày xác định tư cách NĐT chứng khoán chuyên nghiệp, không bao gồm giá trị vay giao dịch ký quỹ và giá trị chứng khoán thực hiện giao dịch mua bán lại. Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp có giá trị trong vòng 3 tháng kể từ ngày được xác nhận.
- Quy định chặt chẽ hơn về việc phát hành, các khoảng thời gian liên quan đến việc phát hành, tăng cường minh bạch thông tin. Bắt buộc xếp hạng tín nhiệm trong một số trường hợp.
- Đã có quy định về quyền biểu quyết của các NĐT.

1. Tổng quan thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Biểu đồ 1:

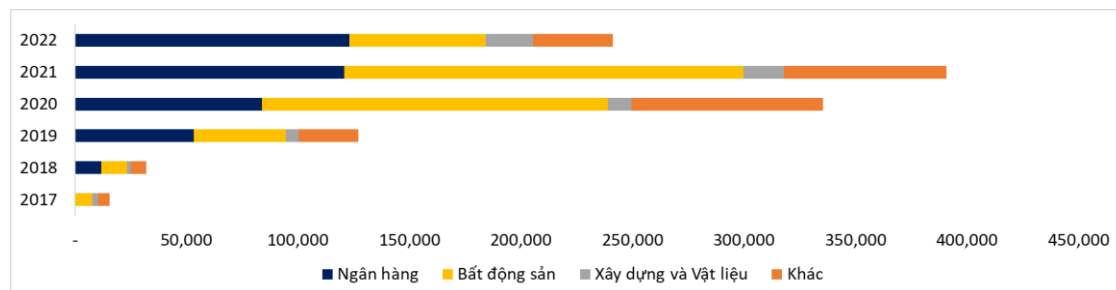
Tình hình phát hành TPDN giai đoạn 2017-2022



Nguồn: Fiipro, BSC Research

Biểu đồ 2:

Cơ cấu phát hành trái phiếu doanh nghiệp 8 tháng đầu năm



Nguồn: Fiipro, BSC Research

Giá trị phát hành TPDN tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2017-2021. Tuy nhiên sang năm 2022, tổng giá trị TPDN phát hành trong 8 tháng đầu năm chỉ đạt mức 241,109 tỷ, giảm gần 40% YoY, chủ yếu là do Chính phủ có những động thái chấn chỉnh tiêu cực trong thị trường TPDN bất động sản. (Biểu đồ 1)

Về ngành nghề phát hành, Trong giai đoạn 2017-2021, ngành bất động sản luôn có tỷ trọng phát hành lớn nhất – khoảng một nửa tổng giá trị phát hành. Tuy nhiên 8T.2022, tỷ trọng phát hành TPDN của ngành này sụt giảm đáng kể, lùi xuống vị trí thứ hai, nhường vị trí đầu cho Ngân hàng. Tỷ trọng giá trị phát hành của hai ngành này chiếm khoảng 70% tổng giá trị phát hành. (Biểu đồ 2).

Ảnh hưởng Nghị định 65/2022/NĐ-CP với thị trường Trái phiếu doanh nghiệp

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

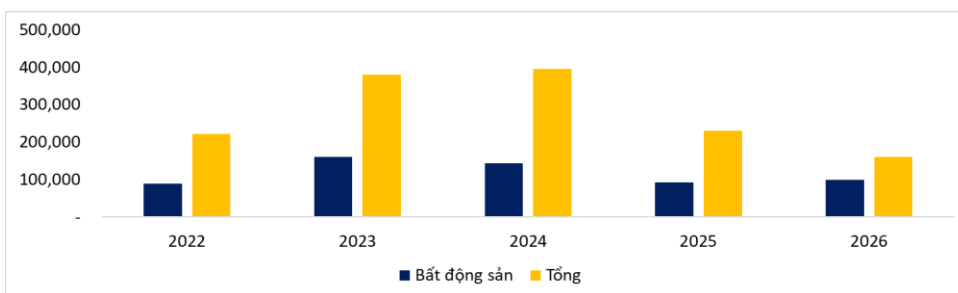
2. Đánh giá tác động Nghị định 65

2.1. Đối với tổ chức phát hành

Nghị định 65 cho phép DN phát hành trái phiếu để đảo nợ, nhưng chỉ cho chính doanh nghiệp đó (không bao gồm các công ty con/liên kết). Điều này tích cực đối với doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh tiếp cận nguồn vốn tín dụng ở thời điểm hiện tại khó khăn do hệ thống ngân hàng cạn kiệt room tín dụng. Tuy nhiên, trong giai đoạn năm 2023-2024, mỗi năm sẽ có gần 400 nghìn tỷ TPDN đáo hạn với tỷ trọng lớn nhất đến từ nhóm TPDN bất động sản. Áp lực trả nợ của các DN vẫn là vấn đề lớn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp bất động sản.

Biểu đồ 3:

Giá trị đáo hạn TPDN giai đoạn 2022-2026



Nguồn: Fiipro, BSC Research

Bên cạnh đó, Nghị định 65 có bổ sung và sửa đổi chặt chẽ hơn những điều kiện về hồ sơ chào bán trái phiếu, về việc giám sát phát hành trái phiếu, việc công bố thông tin và phương thức phát hành,... Các quy định mới trong Nghị định 65 liên quan đến chi phí phát hành, kiểm toán, đại diện sở hữu trái phiếu và công bố thông tin cũng làm tăng chi phí cho các đợt phát hành riêng lẻ. Những điều này hạn chế những doanh nghiệp không đủ tiêu chuẩn phát hành trái phiếu, nhưng sẽ thúc đẩy tính minh bạch và hiệu quả của thị trường TPDN.

Tuy Nghị định 65 có những khoản mục chặt chẽ đối với tổ chức phát hành, nhưng đây cũng là “kim chỉ nam” cho việc phát hành TPDN ở thời điểm hiện tại, tháo gỡ nút thắt cho việc huy động vốn thông qua kênh trái phiếu.

2.2. Đối với nhà đầu tư

Nghị định 65 có bổ sung quy định về quyền biểu quyết cho các NĐT chuyên nghiệp. Theo đó, những NĐT chuyên nghiệp sở hữu từ 65% trở tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành có quyền được biểu quyết thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu và yêu cầu doanh nghiệp mua lại trái phiếu nếu doanh nghiệp vi phạm điều kiện.

Bên cạnh đó, Nghị định 65 còn bổ sung những điều kiện khắt khe hơn để một cá nhân trở thành NĐT cá nhân chuyên nghiệp. Điều này sẽ hạn chế đáng kể hiện tượng NĐT đầu tư theo phong trào, thiếu kiến thức về trái phiếu phát hành riêng trước đây. Đây cũng là hành động bảo vệ tính công bằng, minh bạch trên thị trường, tạo ra một môi trường giao dịch hiệu quả cho các nhà đầu tư.

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
5/8/2022	DRC	29.5	34	27.5	30.95	39	4.92%	Có thể tiếp tục mua
4/8/2022	VTP	62.3	70	58.5	62	40	-0.48%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/8/2022	REE	81.2	93	76	86	41	5.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/8/2022	POW	13.75	16	13	14.15	42	2.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/8/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	40	43	-3.03%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
18/7/22	GVR	23.2	28	21.9	25.05	57	7.97%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích: (**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

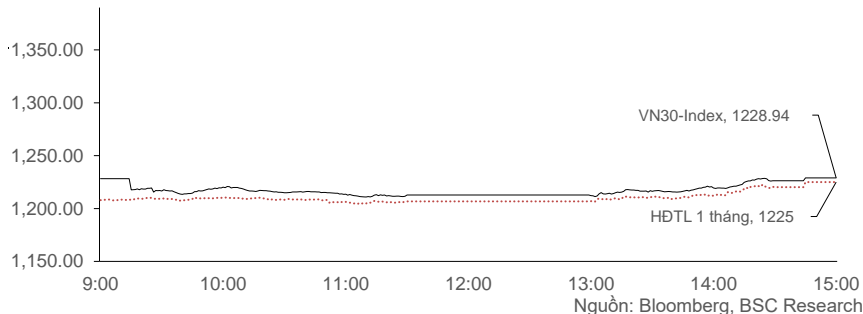
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/4/2022	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/1/2022	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/23/2022	GMD	53	60	49.5	SL	12	-6.60%
6/8/2022	GVR	27.05	33.5	24	SL	5	-11.28%
6/7/2022	GIL	76.8	86	72	SL	6	-6.25%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
6/1/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	2	5.43%	-1.76%	3.03%	44
Cổ phiếu đã chốt	249	223	7.10%	-7.53%	4.17%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2210	1225.00	0.44%	-3.94	-10.3%	265,857	10/20/2022	28
VN30F2211	1219.40	0.16%	-9.54	130.3%	1,262	11/17/2022	56
VN30F2212	1220.00	0.29%	-8.94	95.8%	94	12/15/2022	84
VN30F2203	1217.80	0.19%	-11.14	-17.9%	69	3/16/2023	175

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -13.53 điểm xuống 1215.41 điểm, biên độ dao động 16.98 điểm. Các cổ phiếu như VPB, VCB, HPG, STB, và MSN đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Hôm nay VN30 tiếp tục giảm mạnh, thanh khoản suy yếu. Thị trường đang có xu hướng downtrend theo nhịp vận động của thị trường cơ sở sau động thái điều chỉnh lãi suất của các NHTW trên thế giới. Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.
- Các HĐ đều giảm theo VN30, trừ VN30F2212 vận động trái chiều. Xét về KLGD, các HĐ tăng trừ VN30F2211. Xét về vị thế mở, HĐ VN30F2211 tăng, các HĐ còn lại giảm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2216	12/26/2022	95	3:1	206,400	37.18%	3,000	2,160	0.47%	1,402	1.54	26,200	19,000	23,000
CTCB2204	10/7/2022	15	5:1	119,500	31.79%	2,400	20	0.00%	0	2,812.04	45,750	45,000	34,550
CHDB2205	10/20/2022	28	5:1	104,200	32.92%	1,000	160	0.00%	34	4.70	29,311	27,111	24,700
CVNM2208	12/9/2022	78	10:1	200	27.62%	1,100	1,040	0.00%	381	2.73	87,799	75,999	76,900
CHPG2215	3/28/2023	187	10:1	1,120,200	37.18%	1,000	530	0.00%	248	2.13	29,199	22,999	23,000
CHPG2218	12/9/2022	78	4:1	12,600	37.18%	1,100	520	0.00%	204	2.55	28,088	24,888	23,000
CHPG2219	3/10/2023	169	5:1	1,700	37.18%	1,000	790	0.00%	210	3.75	31,688	26,888	23,000
CSTB2209	10/19/2022	27	3:1	100	45.29%	2,400	50	0.00%	0	218.28	32,840	32,000	21,950
CNVL2201	10/5/2022	13	20:1	2,100	24.76%	1,100	30	0.00%	1	23.04	95,579	93,979	84,600
CPOW2205	1/13/2023	113	1:1	118,200	49.67%	1,000	1,410	-0.70%	1,398	1.01	15,520	13,900	13,650
CMSN2206	1/3/2023	103	19.8:1	51,400	41.89%	1,000	380	-5.00%	206	1.84	144,239	133,333	110,000
CVRE2208	11/7/2022	46	2:1	111,100	39.53%	2,300	530	-5.36%	332	1.60	33,280	32,000	28,650
CVJC2203	12/27/2022	96	20:1	620,800	27.76%	1,400	350	-5.41%	95	3.67	143,131	131,131	115,000
CTCB2208	12/26/2022	95	2:1	3,700	31.79%	4,000	1,360	-5.56%	398	3.42	45,380	40,000	34,550
CVPB2209	12/9/2022	78	16:1	321,000	36.47%	1,000	480	-5.88%	249	1.93	41,599	26,879	29,300
CTCB2206	11/7/2022	46	4:1	594,600	31.79%	1,700	120	-7.69%	13	9.56	45,540	43,500	34,550
CVNM2205	10/20/2022	28	15.4:1	98,300	27.62%	1,000	310	-11.43%	97	3.18	85,072	79,999	76,900
CMSN2211	12/9/2022	78	10:1	2,000	41.89%	1,900	1,420	-12.35%	1,046	1.36	130,899	109,999	110,000
CSTB2208	10/20/2022	28	5:1	300	45.29%	1,100	10	-50.00%	1	11.39	30,861	30,111	21,950
CMWG2203	9/26/2022	4	3.47:1	278,600	35.90%	1,990	10	-91.67%	31	0.32	75,271	148,000	70,100
Tổng				3,767,000	36.04%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 23/9/2022, các chứng quyền giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2214 và CTPB2205 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt ở mức 100% và 50%. Giá trị giao dịch giảm -6.67%. CMSN2206 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.42%.
- CVPB2208, CPNJ2205, CMSN2210, và CFPT2205 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHDB2205, CHPG2219, CHDB2206, và CVHM2210 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2207, CHPG2216, CMWG2208, và CMWG2209 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	70.1	-1.0%	0.6	4,417	8.2	3,436	20.4	4.6	49.0%	24.2%
PNJ	Bán lẻ	114.0	-0.1%	0.6	1,218	1.9	5,978	19.1	3.4	49.0%	20.1%
BVH	Bảo hiểm	55.2	5.8%	1.2	1,885	11.1	2,411	22.9	1.9	26.4%	8.4%
PVI	Bảo hiểm	43.3	3.5%	0.7	456	0.4	3,289	13.2	1.3	58.6%	9.9%
VIC	Bất động sản	63.3	-1.1%	0.5	10,381	0.9	(60)	#N/A N/A	2.2	12.2%	-0.2%
VRE	Bất động sản	28.7	-0.5%	1.1	2,816	0.6	571	50.2	2.0	32.1%	4.2%
VHM	Bất động sản	57.7	-0.9%	0.8	10,829	1.6	6,478	8.9	2.1	23.1%	25.9%
DXG	Bất động sản	25.8	-3.9%	1.4	655	14.0	1,223	21.1	1.7	29.0%	8.2%
SSI	Chứng khoán	21.1	-2.1%	1.8	1,337	9.8	2,674	7.9	1.6	34.7%	22.0%
VCI	Chứng khoán	33.7	-3.3%	1.0	617	5.3	3,497	9.6	2.1	17.0%	24.3%
HCM	Chứng khoán	27.2	-2.6%	1.6	527	8.3	2,522	10.8	1.6	40.7%	17.5%
FPT	Công nghệ	82.9	-0.6%	1.0	3,930	3.0	4,512	18.4	4.6	49.0%	27.1%
FOX	Công nghệ	67.8	-1.0%	0.4	958	0.0	4,926	13.8	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	111.0	1.4%	1.0	9,362	1.8	6,669	16.6	3.6	3.0%	24.3%
PLX	Dầu khí	37.6	-0.9%	1.5	2,055	2.8	723	52.0	2.1	17.5%	3.8%
PVS	Dầu khí	26.3	0.0%	1.6	547	6.4	1,104	23.8	1.1	10.7%	4.4%
BSR	Dầu khí	22.5	1.3%	0.8	3,074	8.7	2,108	10.7	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	89.8	-0.9%	0.3	506	0.0	6,361	14.1	3.1	54.2%	23.1%
DPM	Hóa chất	50.2	-1.4%	1.3	842	5.8	14,563	3.4	1.5	15.2%	51.9%
DCM	Hóa chất	37.0	-2.0%	1.3	834	7.4	7,025	5.3	2.0	8.5%	44.7%
VCB	Ngân hàng	78.0	-2.7%	0.8	15,617	3.4	5,273	14.8	3.0	23.5%	21.9%
BID	Ngân hàng	35.2	-1.1%	1.2	7,643	1.2	2,562	13.7	2.0	16.9%	15.0%
CTG	Ngân hàng	25.4	-1.6%	1.5	5,224	1.7	3,056	8.3	1.2	26.9%	15.1%
VPB	Ngân hàng	29.3	-1.9%	1.2	5,594	12.5	3,755	7.8	1.4	17.7%	22.2%
MBB	Ngân hàng	21.3	-1.2%	1.3	4,140	3.4	3,467	6.1	1.4	23.2%	26.0%
ACB	Ngân hàng	22.8	-0.9%	1.1	3,319	1.4	3,482	6.5	1.5	30.0%	25.4%
BMP	Nhựa	60.3	-0.7%	0.7	213	0.2	4,413	13.7	2.0	85.1%	15.2%
NTP	Nhựa	39.3	0.0%	0.6	221	0.0	3,914	10.0	1.8	17.8%	18.0%
MSR	Tài nguyên	19.1	0.0%	1.6	913	0.1	178	107.3	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	23.0	-1.3%	1.1	5,739	14.6	4,747	4.8	1.3	20.9%	31.8%
HSG	Thép	16.4	-0.9%	1.5	421	4.5	3,511	4.7	0.8	4.4%	19.3%
VNM	Tiêu dùng	76.9	-0.3%	0.5	6,970	4.7	4,055	19.0	4.7	55.0%	25.8%
SAB	Tiêu dùng	187.0	0.0%	0.8	5,214	1.1	7,018	26.6	5.2	62.8%	21.0%
MSN	Tiêu dùng	110.0	-1.3%	1.0	6,722	1.7	7,172	15.3	5.4	29.0%	40.2%
SBT	Tiêu dùng	16.9	1.2%	1.6	468	0.9	1,381	12.2	1.2	7.8%	8.3%
ACV	Vận tải	84.9	0.1%	0.8	8,045	0.0	363	234.0	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	115.0	-1.9%	1.1	2,656	1.8	176	652.8	3.6	16.2%	0.6%
HVN	Vận tải	14.8	-1.4%	1.7	1,406	0.3	(4,373)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	49.0	-0.6%	1.0	638	1.1	2,705	18.1	2.2	47.2%	12.5%
PVT	Vận tải	21.6	-1.4%	1.4	300	1.2	1,982	10.9	1.3	14.4%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	71.0	-0.1%	0.9	493	0.3	10,334	6.9	2.3	2.9%	36.9%
VGC	Vật liệu xây dựng	60.7	-3.0%	0.7	1,148	2.5	4,350	14.0	3.5	5.3%	27.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	-0.7%	1.1	247	0.3	505	30.9	1.1	1.9%	3.6%
CTD	Xây dựng	68.0	1.8%	1.2	222	2.2	(958)	#N/A N/A	0.6	52.6%	-0.8%
CII	Xây dựng	22.1	-1.8%	1.5	238	6.0	1,446	15.3	1.0	9.1%	6.9%
REE	Điện	84.4	-0.9%	-1.4	1,292	1.1	6,593	12.8	2.1	49.1%	17.7%
PC1	Điện	39.2	-1.3%	-0.4	396	1.9	2,081	18.8	1.9	4.5%	10.5%
POW	Điện	13.7	-1.8%	0.6	1,364	6.1	676	20.2	1.1	2.7%	5.3%
NT2	Điện	31.9	-2.2%	0.6	390	2.2	3,116	10.2	2.1	13.9%	20.9%
KBC	Khu công nghiệp	29.7	-0.3%	1.6	988	5.3	324	91.6	1.6	17.2%	2.1%
BCM	Khu công nghiệp	96.1	-1%	0.9	4,262	0.6	1,640	58.6	5.7	2.8%	11.2%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	112.50	1.35	0.73	361700
BVH	58.40	5.80	0.60	4.41MLN
OCB	16.35	1.55	0.09	437000
MIG	22.70	6.82	0.06	2.85MLN
HBC	19.70	4.79	0.06	7.29MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-0.63	9.85MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-0.55	630900	607060
VPB	0.00	-0.51	785400	373600
VHM	0.00	-0.50	353900	192700
BID	0.00	-0.49	1.59MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BMI	32.10	7.00	0.06	1.66MLN
PTL	7.72	6.93	0.01	558900
TGG	5.42	6.90	0.00	1.71MLN
TNC	59.40	6.83	0.02	200
MIG	22.70	6.82	0.06	2.85MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	75.90	-2.69	-2.51	1.03MLN
VIC	62.60	-1.11	-0.68	324200
VPB	28.75	-1.88	-0.63	9.85MLN
VHM	57.20	-0.87	-0.55	630900
BID	34.75	-1.14	-0.51	785400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	15.90	0.63	0.12	9300.00
PVI	44.80	3.46	0.09	195100.00
VNR	28.80	7.87	0.08	409500
VIT	19.90	9.94	0.07	200.00
AMV	7.20	9.09	0.07	3.22MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
THD	47.10	-1.26	-0.34	17000
SHS	11.20	-1.75	-0.24	5.55MLN
CEO	26.40	-2.22	-0.19	2.55MLN
MBS	17.20	-2.82	-0.08	925200
SCG	67.80	-1.17	-0.07	424600

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

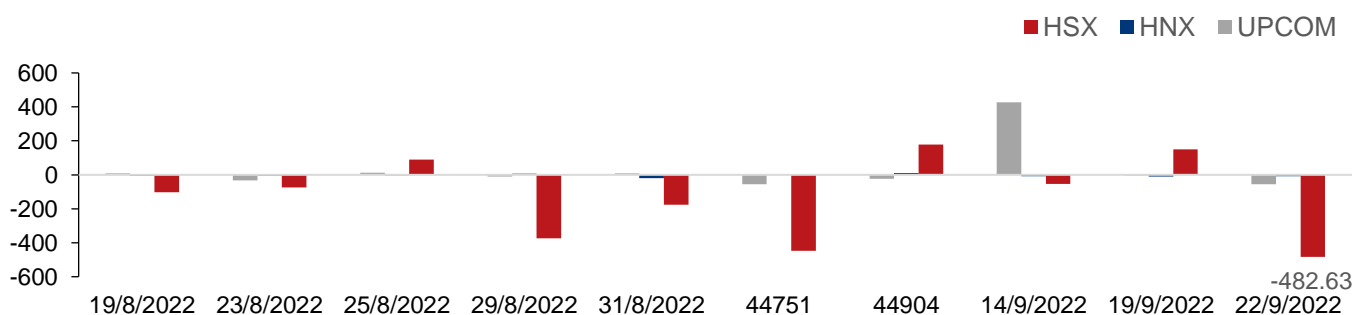
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
INC	17.60	10.0	0.00	100
POT	27.50	10.0	0.02	50900
PVB	21.00	10.0	0.03	1.49MLN
VIT	19.90	9.9	0.07	200
KST	12.20	9.9	0.01	1600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCM	18.00	-10.00	0.00	100
HEV	41.40	-9.80	0.00	100
HMH	12.90	-9.79	-0.02	40400
THS	18.70	-9.66	0.00	400
PBP	24.90	-9.45	-0.01	119500

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	84.9	363	234.0	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	114.0	5,978	19.1	3.4	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	22.2	0	#N/A N/A	0.9	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	82.9	4,512	18.4	4.6	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	60.3	4,413	13.7	2.0	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	67.5	4,637	14.6	2.7	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	31.5	1,755	17.9	2.1	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	54.4	9,171	5.9	1.9	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	84.2	11,226	7.5	2.1	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	63.0	4,901	12.9	2.6	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	22.5	2,108	10.7	1.9	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	36.0	1,966	18.3	1.6	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	25.8	1,223	21.1	1.7	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	23.0	4,747	4.8	1.3	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	26.4	1,127	23.4	1.3	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	50.2	14,563	3.4	1.5	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	15.6	505	30.9	1.1	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	31.9	3,116	10.2	2.1	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	22.2	0	#N/A N/A	0.9	Click
20	LHG	BDS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	32.0	2,692	11.9	1.1	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	21.3	1,168	18.2	1.9	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	39.2	2,081	18.8	1.9	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	13.7	676	20.2	1.1	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	21.5	6,984	3.1	0.9	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	84.4	6,593	12.8	2.1	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	37.6	4,406	8.5	1.0	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	111.0	6,669	16.6	3.6	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	45.5	3,842	11.8	2.1	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	23.0	4,747	4.8	1.3	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	15.2	4,170	3.6	1.6	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	22.5	2,108	10.7	1.9	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	70.6	3,616	19.5	6.0	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	114.0	5,978	19.1	3.4	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	15.2	1,889	8.0	0.7	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	31.9	3,116	10.2	2.1	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	71.3	10,763	6.6	1.4	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	86.7	5,014	17.3	5.6	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	39.2	2,081	18.8	1.9	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	15.7	179	87.4	0.8	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	82.9	4,512	18.4	4.6	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	31.9	2,277	14.0	2.2	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	21.5	6,984	3.1	0.9	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.7	676	20.2	1.1	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	114.0	5,978	19.1	3.4	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	70.1	3,436	20.4	4.6	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	21.6	1,982	10.9	1.3	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
9	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
10	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
14	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
16	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
17	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
19	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
20	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
23	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
26	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
29	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
31	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
32	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
33	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
35	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
37	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
39	Banking Sector Outlook		x	Click
40	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
42	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
43	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
43	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

